

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

(Được sửa đổi, bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings ngày 11/04/2018)

Hà Nội, tháng 05 năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	4
ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH.....	4
ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
ĐIỀU 3. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
ĐIỀU 4. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG.....	10
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	10
ĐIỀU 5. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	10
ĐIỀU 6. CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU.....	11
ĐIỀU 7. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC.....	12
ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....	12
ĐIỀU 9. THU HỒI CỔ PHẦN.....	12
ĐIỀU 10. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY HOẶC THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG.....	13
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	13
ĐIỀU 11. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ.....	13
ĐIỀU 12. CỔ ĐÔNG.....	14
ĐIỀU 13. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG.....	15
ĐIỀU 14. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG.....	17
ĐIỀU 15. ĐẶC QUYỀN MUA CỔ PHẦN MỚI VỚI GIÁ ƯU ĐÃI.....	17
ĐIỀU 16. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	18
ĐIỀU 17. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	19
ĐIỀU 18. ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	20
ĐIỀU 19. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN.....	21
ĐIỀU 20. TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP, VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	21
ĐIỀU 21. CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	22
ĐIỀU 22. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	23
ĐIỀU 23. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	24
ĐIỀU 24. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	25
ĐIỀU 25. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	26
ĐIỀU 26. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	27
ĐIỀU 27. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
ĐIỀU 28. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	28
ĐIỀU 29. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	30
ĐIỀU 30. CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
ĐIỀU 31. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	33
ĐIỀU 32. CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	33

ĐIỀU 33.	BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	34
ĐIỀU 34.	THƯ KÝ CÔNG TY.....	35
ĐIỀU 35.	KIỂM SOÁT VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	35
ĐIỀU 36.	BAN KIỂM SOÁT.....	36
ĐIỀU 37.	TRÁCH NHIỆM CẢN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	37
ĐIỀU 38.	TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI.....	37
ĐIỀU 39.	TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG.....	38
ĐIỀU 40.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....	39
ĐIỀU 41.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	39
CHƯƠNG IV:	HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	39
ĐIỀU 42.	CỔ TỨC.....	39
ĐIỀU 43.	CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40
ĐIỀU 44.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG.....	40
ĐIỀU 45.	NĂM TÀI CHÍNH.....	41
ĐIỀU 46.	HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	41
ĐIỀU 47.	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	41
ĐIỀU 48.	KIỂM TOÁN.....	41
ĐIỀU 49.	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	42
CHƯƠNG V:	QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN.....	42
ĐIỀU 50.	QUAN HỆ CỦA CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ.....	42
ĐIỀU 51.	QUAN HỆ CỦA CÔNG TY GIỮ QUYỀN CHI PHỐI ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN CHI PHỐI CỦA CÔNG TY.....	42
ĐIỀU 52.	QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN LIÊN KẾT.....	43
CHƯƠNG VI:	CON DẤU.....	43
ĐIỀU 53.	CON DẤU.....	43
CHƯƠNG VII:	TÓ TỤNG, TRANH CHẤP, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY.....	43
ĐIỀU 54.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
ĐIỀU 55.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG.....	43
ĐIỀU 56.	TRANH CHẤP KHÔNG ĐƯỢC GIẢI QUYẾT THÀNH CÔNG GIỮA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG.....	43
ĐIỀU 57.	THANH LÝ.....	44
CHƯƠNG VIII:	ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....	44
ĐIỀU 58.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	44
ĐIỀU 59.	NGÀY HIỆU LỰC.....	44

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

(Được sửa đổi, bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings ngày 11/04/2018)

Căn cứ pháp lý :

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng..

Điều lệ này của Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings cùng với (i) các quy định Pháp luật liên quan, (ii) bất kỳ và tất cả các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị đã được ban hành một cách hợp lệ, là cơ sở pháp lý và nguyên tắc cho tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1.1.1 "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

1.1.2 "**Pháp luật**" là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Chương I Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2008 hoặc tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12;

1.1.3 "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

1.1.4 "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 các văn bản hướng dẫn thi hành;

1.1.5 "**Công ty**" là Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings;

1.1.6 "**Công ty con**" là bất kỳ Công ty nào mà trong đó Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Công ty Mẹ;

- (a) Sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty đó;
- (b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của Công ty đó;
- (c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty đó.

Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của Công ty Mẹ. Các Công ty con của cùng một Công ty Mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau;

1.1.7 **"Công ty liên kết"** là các doanh nghiệp mà Công ty sở hữu bằng hoặc dưới 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Doanh nghiệp đó và có sự liên kết chặt chẽ với Công ty thông qua chiến lược phát triển, chiến lược thị trường, định hướng đầu tư, công nghệ, nguồn cung cấp nguyên vật liệu, thị trường, thương hiệu và các vấn đề khác có liên quan trong hoạt động kinh doanh của Công ty;

1.1.8 **"Cổ đông"** là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần đã phát hành của Công ty;

1.1.9 **"Cổ đông sáng lập"** là những cổ đông tham gia thành lập Công ty, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty;

1.1.10 **"Cổ đông lớn"** là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

1.1.11 **"Cổ đông chiến lược"** là nhà đầu tư chiến lược có gắn bó và quan hệ mật thiết trong quá trình hoạt động kinh doanh và có cam kết gắn bó lâu dài với Công ty;

1.1.12 **"Vốn điều lệ"** là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;

1.1.13 **"Ngày thành lập"** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, ngày 04/7/2001;

1.1.14 **Người quản lý Công ty** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty;

1.1.15 **"Cán bộ quản lý"** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

1.1.16 **"Người có liên quan"** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:

(a) Công ty Mẹ, người quản lý Công ty Mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với Công ty con trong nhóm Công ty;

(b) Công ty con đối với Công ty Mẹ trong nhóm Công ty;

(c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty thông qua Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của Công ty và Tổng giám đốc;

(d) Người quản lý Công ty;

(e) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, Mẹ đẻ, Mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty hoặc của cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

(f) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, Công ty quy định tại các điểm a,b,c,d,e khoản này;

(g) Doanh nghiệp trong đó những người, Công ty quy định tại các điểm a,b,c,d,e,f và h khoản này có sở hữu vốn, cổ phần đến mức chi phối việc ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Công ty;

(h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.

1.1.17 "**Thời hạn hoạt động**" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 2.6 Điều 2 của Điều lệ này.

1.2 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng;

1.3 Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Điều lệ này) được sử dụng nhằm tạo thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

2.1 Tên Công ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS;**

Tên tiếng Anh:

PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY;

Tên giao dịch viết tắt: **PHUC HUNG HOLDINGS., JSC.**

2.2 Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings là một pháp nhân hoạt động kinh doanh dưới hình thức Công ty cổ phần theo quy định của Pháp luật hiện hành và theo Điều lệ này;

2.3 Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, tháp A, Tòa nhà Ct2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Điện thoại: (84-24) 66646518/19/20 Fax: (84-24) 66646521;

2.4 Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2.4.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

2.4.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 (ba mươi) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2.4.3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2.4.4. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2.5 Công ty có thể thành lập (các) chi nhánh và (các) văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép;

2.6 Trừ phi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 56 và Điều 57 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

ĐIỀU 3. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

3.1 Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình silô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);</i>	4290
2.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ <i>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;</i>	4210
3.	Xây dựng công trình công ích <i>Chi tiết: Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;</i>	4220
4.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế công trình (thiết kế tổng mặt bằng, kết cấu: đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hoá thể thao, phần bao che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; - Khoan khảo sát địa chất – Tư vấn xây dựng;</i>	7110
5.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng <i>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;</i>	7410
6.	Chuẩn bị mặt bằng <i>Chi tiết: xử lý nền móng công trình;</i>	4312
7.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí <i>Chi tiết: lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh; - Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải;</i>	4322
9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

10.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm;</i>	1079
11.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh <i>Chi tiết: Sản xuất rượu;</i>	1101
12.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia <i>Chi tiết: Sản xuất bia;</i>	1103
13.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết: Sản xuất nước giải khát;</i>	1104
14.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ <i>Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;</i>	5221
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;</i>	5229
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;</i>	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: kinh doanh trang thiết bị nội thất và thủ công mỹ nghệ;</i>	4669
19.	Bán buôn tổng hợp <i>Chi tiết: Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;</i>	4690
20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;</i>	4719
21.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
22.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị nội thất và thủ công mỹ nghệ;</i>	3290
23.	Thoát nước và xử lý nước thải <i>Chi tiết: Vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải;</i>	3700
24.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại <i>Chi tiết: Vận chuyển, xử lý, chế biến rác thải;</i>	3821
25.	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: kinh doanh thực phẩm;</i>	4632
26.	Bán buôn đồ uống	4633

	<i>Chi tiết: kinh doanh rượu, bia, nước giải khát;</i>	
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán bán bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh;</i>	4659
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;</i>	8299
31.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Đào tạo ngoại ngữ; (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);</i>	8559
32.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);</i>	6619
33.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh phát triển nhà; Kinh doanh bất động sản;</i>	6810
34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: môi giới bất động sản;</i>	6820
35.	Quảng cáo	7310
36.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng, văn phòng;</i>	7730
37.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm <i>Chi tiết: Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);</i>	7810
38.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Chi tiết: Dịch vụ lao động (không bao gồm xuất khẩu lao động);</i>	7830
39.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933

3.2 Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập nhằm mục tiêu sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao nhất cho các Cổ đông, tạo công ăn việc làm cho người lao động, thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa;

Công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 4. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

4.1 Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty;

4.2 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 5. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

5.1 Vốn điều lệ:

5.1.1 Tại thời điểm sửa đổi Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **208.999.560.000 VND** (Hai trăm linh tám tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng);

5.1.2 Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.899.956 (Hai mươi triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm năm mươi sáu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phần);

5.1.3 Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông tự nguyện đóng bằng tiền hoặc tài sản hợp pháp của mình.

5.2 Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật;

5.3 Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần này được quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều lệ này;

5.4 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật;

5.5 Cổ đông sáng lập Công ty:

- Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0100109441;

- Ông Cao Tùng Lâm

Sinh ngày: 09/4/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CMND: 012437649 do Công an Hà Nội cấp ngày 21/07/2010;

- Ông Phạm Văn Chi

Sinh ngày: 27/11/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 012512039 do Công an Hà Nội cấp ngày 14/07/2007;

- Ông Đỗ Việt Anh

Sinh ngày: 06/08/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 001068005414 do Công an Hà Nội cấp ngày 26/11/2015.

5.6. Trong trường hợp phát hành thêm cổ phần, cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty phù hợp với thủ tục quy định tại Điều 124 của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần) để cổ đông có thể đăng ký mua cổ phần. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần cổ đông không mua hết đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá;

5.7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được Pháp luật cho phép và được quy định trong Điều lệ này. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Pháp luật;

5.8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 6. CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU

6.1 Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6.7 của Điều 6 này;

6.2 Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp và phải có các nội dung sau đây:

6.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

6.2.2. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty;

6.2.3. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

6.2.4. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

6.2.5. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;

6.2.6. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

6.2.7. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

6.2.8. Các nội dung khác theo quy định Luật doanh nghiệp.

6.3 Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần;

6.4 Trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào khác trừ phí chuyển nhượng cổ phần;

6.5 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một phần số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần chưa được chuyển nhượng sẽ được cấp miễn phí;

6.6 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức chứng chỉ cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng;

6.7 Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty;

6.8 Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ cổ phiếu và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo;

6.9 Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ cổ phiếu. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

ĐIỀU 7. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

8.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết;

8.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ số tiền phải trả cho Công ty để mua cổ phần sẽ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

ĐIỀU 9. THU HỒI CỔ PHẦN

9.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả cho Công ty để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông sở hữu số cổ phần đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền chậm thanh toán và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định;

9.2. Thông báo thanh toán nêu tại Khoản 9.1, Điều này phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là (07) bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi;

9.3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại Khoản 9.2, Điều này không được thực hiện đầy đủ đúng thời hạn, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần chậm thanh toán đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 9.4; 9.5 và 9.6, Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này;

9.4. Cổ phần bị thu hồi nêu tại Khoản 9.3, Điều này sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã

sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp;

9.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 12% (mười hai phần trăm) một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó;

9.6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

ĐIỀU 10. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY HOẶC THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG.

10.1 Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

10.1.1 Đại hội đồng cổ đông quyết định việc mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định;

10.1.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm

10.1.3 Điều này. Giá mua lại các Cổ phần khác phải không được thấp hơn giá thị trường, trừ khi có thỏa thuận khác giữa Công ty và Cổ đông;

10.1.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

10.2 Các cổ đông chấp nhận đề nghị của Công ty sẽ phải trả lời bằng văn bản bằng phương thức bảo đảm gửi về Công ty trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên. Công ty có thể mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông được quy định tại khoản 13.1.8 của Điều lệ này;

10.3 Việc mua lại cổ phần phải tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 11. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

❖ Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

❖ Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc/và quyết định các công việc khi được Đại hội đồng cổ đông giao. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền và lợi ích tốt nhất cho tất cả các Cổ đông;

❖ Tổng giám đốc: là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao;

❖ Ban kiểm soát: Là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

ĐIỀU 12. CỔ ĐÔNG

12.1. **Cổ đông** là chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ nắm quyền sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

12.2. Quy định cử người đại diện cổ đông :

12.2.1. Tất cả các cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân đều có quyền cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật;

12.2.2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một (01) hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty;

Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần của cổ đông tại Công ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
- d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
- e) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
- f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

12.2.3. Việc uỷ quyền của cổ đông là cá nhân phải được thực hiện bằng văn bản có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo mẫu của Công ty hoặc phải được thư ký của Công ty chứng kiến, ký tên và đóng dấu của Công ty trên đó với tư cách là người làm chứng tại Văn phòng Hội đồng quản trị Công ty. Văn bản uỷ quyền phải đảm bảo bao gồm các nội dung như quy định dưới đây:

- a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần của cổ đông tại Công ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
- d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;

e) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;

f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và của cổ đông.

12.3. Thay thế người đại diện cổ đông, thừa kế tư cách Cổ đông:

12.3.1. Cổ đông muốn thay thế người đại diện phải làm đúng các thủ tục quy định tại Khoản 12.2, Điều này;

12.3.2. Cổ đông là tổ chức được sáp nhập, chia tách, hợp nhất mà được kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông thì tổ chức mới là cổ đông phải gửi cho Công ty văn bản đề nghị việc thay thế đại diện cổ đông kèm theo các văn bản pháp lý có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của cổ đông về việc sáp nhập, chia tách, hợp nhất hoặc kế thừa;

12.3.3. Trường hợp cổ đông là tổ chức giải thể, phá sản thì theo đề nghị của cổ đông và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm diễn ra các sự kiện này, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mua lại cổ phần này theo giá thoả thuận hoặc thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần này.

12.3.4. Trong trường hợp bất kỳ Cổ đông nào chết hoặc chấm dứt hoạt động, thì những người hay tổ chức được nêu dưới đây phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của Cổ đông đã chết hoặc chấm dứt hoạt động:

a) Những người thừa kế (đối với cá nhân);

b) Những người, hay tổ chức được thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (đối với pháp nhân); hoặc

c) Những người hay tổ chức thừa kế hay kế thừa theo quyết định của toà án (trong trường hợp không có người thừa kế hoặc kế thừa).

ĐIỀU 13. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

13.1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

13.1.1. Tham dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết;

13.1.2. Nhận cổ tức tương ứng với số cổ phần mà họ sở hữu theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

13.1.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành;

13.1.4. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

13.1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

13.1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

13.1.7. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật;

13.1.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

13.1.8.1 Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số

lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;

13.1.8.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm 13.1.8.1 khoản 13.1.8 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

13.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau:

13.2.1. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 27.2, Điều 27 và Khoản 35.2, Điều 35, Điều lệ này;

13.2.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

13.2.3. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114.3 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

13.2.3.1 Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

13.2.3.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

13.2.4. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích lục danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

13.2.5. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải được thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

13.3. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 (sáu) tháng có quyền tự mình khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

13.3.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

13.3.2. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

13.3.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Thông tin, cơ hội kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin, cơ hội kinh doanh được coi là bí mật của Công ty như thông tin về chào bán phát hành thêm cổ phần, các dự án, các gói thầu, kế hoạch đầu tư tài sản... mà Công ty chưa công bố chính thức trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc Website của Công ty hoặc chúng chưa được triển khai thực hiện;

13.3.4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

13.3.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp, cụ thể:

13.3.5.1 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao không đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

13.3.5.2 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách không trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

13.3.5.3 Không trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

13.3.5.4 Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

13.4. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

ĐIỀU 14. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

14.1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

14.2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;

14.3. Thanh toán cho Công ty đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

14.4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

14.5. Bảo vệ lợi ích, tài sản và không tiết lộ các thông tin được coi là bí mật của Công ty. Không làm bất cứ điều gì gây phương hại đến tài sản, uy tín, danh dự và lợi ích khác của Công ty;

14.6. Chịu trách nhiệm bồi thường do vi phạm Điều lệ gây ra thiệt hại đối với tài sản, lợi ích của Công ty hoặc cổ đông khác;

14.7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

14.7.1. Vi phạm pháp luật;

14.7.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

14.7.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

ĐIỀU 15. ĐẶC QUYỀN MUA CỔ PHẦN MỚI VỚI GIÁ ƯU ĐÃI

16.1. Đặc quyền mua cổ phần mới với giá ưu đãi chỉ được áp dụng cho các cổ phần phổ thông trước thời điểm có đợt phát hành thêm cổ phần. Đặc quyền mua cổ phần mới với giá

ưu đãi khi Công ty phát hành thêm cổ phần mới để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo nguyên tắc sau:

16.1.1. Tổng cổ phần mới được quyền mua với giá ưu đãi của một cổ đông (=) bằng Tổng số cổ phần mà cổ đông đó đang nắm giữ tại thời điểm phát hành (x) nhân với tỷ lệ đặc quyền mua;

16.1.2. Tỷ lệ đặc quyền mua và mức giá ưu đãi được Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

16.2. Tổng số cổ phần và mức giá ưu đãi áp dụng cho cán bộ công nhân viên của Công ty được Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của Pháp luật;

16.3. Công ty sẽ có chính sách phân phối cổ phiếu mới với giá đặc biệt cho các nhà cung ứng, đối tác chiến lược, Công ty con, các Công ty liên kết... của Công ty, tùy theo điều kiện của đợt phát hành, được Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 16. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

16.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn tháng), kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể gia hạn thời hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và được chấp thuận bởi cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền;

16.2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

16.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

16.3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

16.3.2. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị giảm xuống còn một nửa so với đầu kỳ;

16.3.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số lượng quy định bởi pháp luật hoặc số lượng HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ;;

16.3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 13.2, Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông yêu cầu (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

16.3.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

16.4. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

16.4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm 16.3.3, Khoản

16.3. Điều này hoặc nhận được yêu cầu như quy định tại Điểm 16.3.4 và 16.3.5 Khoản 16.3, Điều này;

16.4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 16.4.1 Khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

16.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 16.4.2, Khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 16.3.4 Khoản này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết;

16.4.4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 16.4.2 và 16.4.3, Khoản này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 17. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

17.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

17.1.1. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

17.1.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

17.1.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

17.1.4. Kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;

17.1.5. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

17.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

17.2.1. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

17.2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

17.2.3. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán và giao cho Hội đồng quản trị quyết định chi tiết các phương án liên quan đến việc phát hành và chào bán cổ phần hoặc các loại chứng khoán có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi thành cổ phần của Công ty, kể cả phương án chào bán và/hoặc phát hành (riêng lẻ hoặc ra công chúng), phương án sử dụng vốn, phương án trả nợ;

17.2.4. Chế độ thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

17.2.5. Lựa chọn Công ty kiểm toán;

17.2.6. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

17.2.7. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

17.2.8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

17.2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

17.2.10. Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;

17.2.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

17.2.12. Quyết định đầu tư hoặc bán số bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;

17.2.13. Công ty mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

17.2.14. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;

17.2.15. Phê chuẩn hàng năm việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

17.2.16. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông tự mình hoặc theo đề xuất của Hội đồng quản trị, có thể giao lại cho Hội đồng quản trị quyết định và tổ chức thực hiện một số công việc thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điều này.

17.3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

17.3.1. Các hợp đồng quy định tại Khoản 17.2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

17.3.2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

17.4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 18. ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

18.1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện;

18.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

18.2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

18.2.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

18.2.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

18.2.4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

18.3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

18.4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 18.3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

18.4.1. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

18.4.2. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

18.4.3. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

18.5. Các quy định tại Khoản 18.4, Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 19. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

19.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua;

19.2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên;

19.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như quy định tại Khoản 19.1 và 19.2, Điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20 và Điều 22 Điều lệ này;

19.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 20. TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP, VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

20.1 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông cũng có thể được triệu tập trong các trường hợp quy định tại Điểm 16.4.2 hoặc Điểm 16.4.3, Khoản 16.4, Điều 16, Điều lệ này.

20.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

20.2.1 Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 20 (hai mươi) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

20.2.2 Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;

20.2.3 Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

20.2.4 Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

20.2.5 Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

20.2.6 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; và

20.2.7 Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo cách thức quy định bởi Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp

20.3 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp cổ phiếu Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

20.4 Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông; các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội; Phiếu biểu quyết; mẫu giấy ủy quyền dự họp của Cổ đông cho Người Đại diện theo Ủy quyền. Công ty có thể lựa chọn đăng tải các tài liệu họp trên trang điện tử của Công ty, thay vì gửi trực tiếp kèm theo thông báo mời họp cho từng cổ đông, với điều kiện trong thông báo mời họp gửi cổ đông phải có địa chỉ rõ ràng về nơi, cách thức tải tài liệu họp, và Công ty phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.

20.5 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 13.2, Điều 13 của Điều lệ có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

20.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất quy định tại Khoản 20.5 Điều này trong các trường hợp sau:

20.6.1 Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đầy đủ, không đúng về nội dung;

20.6.2 Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu không đủ ít nhất 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;

20.6.3 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

20.6.4 Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

20.7 Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% (một trăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

ĐIỀU 21. CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

21.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết;

21.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết quy định tại Khoản 21.1, Điều này trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Chủ tọa sẽ quyết định hoãn đại hội. Trong trường hợp này, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết;

21.3 Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai và trong trường hợp này Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền

tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến được phê chuẩn;

21.4 Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 22. THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

22.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải duy trì việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

22.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

22.3 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội đồng cổ đông.

22.4 Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không quá ba (03) người.

22.5 Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

22.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

22.7 Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

22.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:

- (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- (b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- (c) Được sự nhất trí của đại diện 100% (một trăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông.
- (d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

22.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 22.8, Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc đại hội kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

22.10 Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

22.11 Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp và cần thiết. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối quyền tham dự đại hội hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

22.12 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

22.12.1 Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

22.12.2 Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

22.12.3 Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp khác nếu Hội đồng quản trị thấy là cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác;

22.13 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

22.13.1 Thông báo rằng Đại hội đồng cổ đông sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

22.13.2 Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này;

22.14 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội;

22.15 Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 23. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

23.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 23.2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có sự tán thành của từ 51% (năm mươi một phần trăm) trở lên tổng số cổ phần của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

23.1.1 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

23.1.2 Kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;

23.1.3 Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

23.1.4 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

23.2 Đối với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số cổ phần của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Cụ thể:

23.2.1 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

23.2.2 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

23.2.3 Tổ chức lại, giải thể Công ty;

23.2.4 Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

23.2.5 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

23.3 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết đó. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

23.4 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết đã được thông qua thì nghị quyết bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án có thẩm quyền có quyết định khác.

ĐIỀU 24. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

24.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào đối với mọi vấn đề trừ các vấn đề quy định tại Khoản 17.1, Điều 17 của Điều lệ này nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

24.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 20.2.1 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 20.3, 20.4 của Điều lệ này.

24.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

24.3.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

24.3.2 Mục đích lấy ý kiến;

24.3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

24.3.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

24.3.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

24.3.6 Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

24.3.7 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

24.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

24.4.1 Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

24.4.2 Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử theo số fax hoặc địa chỉ hộp thư điện tử của Công ty nêu trong phiếu xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

24.4.3 Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

24.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

24.5.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

24.5.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

24.5.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

24.5.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

24.5.5 Các vấn đề đã được thông qua;

24.5.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

24.6 Biên bản kiểm phiếu phải được công bố thông tin theo quy định của Pháp luật và gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc Biên bản kiểm phiếu được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

24.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

24.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 25. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định của Pháp luật và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Biên bản Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu

có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 26. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.2 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

26.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định;

26.2 Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này;

26.3 Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

ĐIỀU 27. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

27.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm 05 (năm). Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

27.2 Việc đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng cử viên; từ 15% (mười lăm phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên;

27.3 Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng vị trí thành viên Hội đồng quản trị dự kiến bầu cử, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử;

27.4 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

27.4.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

27.4.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

27.4.3 Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

27.4.4 Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã xác định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

27.4.5 Thành viên đó bị miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

27.4.6 Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

27.5 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế vị trí thành viên Hội đồng quản trị bị bỏ trống. Thành viên mới của Hội đồng Quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực;

27.6 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

27.7 Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

ĐIỀU 28. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

28.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông;

28.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành của Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý khác;

28.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

28.3.1 Quyết định chiến lược; kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và việc điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty khi xét thấy cần thiết cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty;

28.3.2 Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

28.3.3 Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

28.3.4 Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

28.3.5 Quyết định giá bán của từng loại cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác;

28.3.6 Quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;

28.3.7 Đề xuất mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

28.3.8 Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;

28.3.9 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

28.3.10 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch đảm bảo hoặc bồi thường, và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng giao dịch quy định tại điểm 38.4.2 Điều 38 của Điều lệ này;

28.3.11 Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

28.3.12 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ tại các Công ty đó, Người đứng đầu chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó;

28.3.13 Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định ban hành các quy chế quản lý Công ty mà Hội đồng cho là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn gồm các quy chế sau: quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông, quy chế quản trị thương hiệu, quy chế tài chính, quy chế người đại diện quản lý vốn, quy chế giao nhận khoán hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định;

28.3.14 Quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, quyết định các vấn đề có liên quan và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

28.3.15 Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc vốn góp, tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

28.3.16 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

28.3.17 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

28.3.18 Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

28.3.19 Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

28.3.20 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Cán bộ quản lý đó;

28.4 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những Cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua;

28.5 Trừ khi Pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty;

28.6 Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ

được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được;

28.7 Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty;

28.8 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty;

28.9 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 29. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

29.1 Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty và phải được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê chuẩn hàng năm;

29.2 Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

29.2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên hội đồng quản trị Hội đồng quản trị;

29.2.2. Kiểm tra, giám sát các hoạt động của người đại diện quản lý vốn của Công ty trong các doanh nghiệp khác;

29.2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

29.2.4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

29.2.5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

29.2.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

29.2.7. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

29.2.8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý Công ty khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đề xuất của Tổng giám đốc;

29.2.9. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch đảm bảo hoặc bồi thường, và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và của Tổng Giám đốc;

29.2.10. Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng, các văn bản, chứng từ và các tài liệu khác với tư cách là Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

29.2.11. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông: Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

29.2.12. Thực hiện tất cả các công việc khác với tư cách là Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Điều lệ này, các văn bản nội bộ của Công ty đã ban hành và các quy định của Pháp luật;

29.2.13. Thực hiện việc ủy quyền cho Tổng giám đốc hoặc các cán bộ quản lý khác thực hiện các công việc với tư cách là Chủ tịch hội đồng quản trị và/hoặc Người đại diện theo pháp luật;

29.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

ĐIỀU 30. CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

30.1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;

30.2. Các cuộc họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp (01) một lần;

30.3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

30.3.1. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Cán bộ quản lý;

30.3.2. Ít nhất (02) hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

30.3.3. Ban kiểm soát,

30.4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 30.3, Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 30.3, Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị;

30.5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;

30.6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch và được sự nhất trí của các thành viên khác của Hội đồng quản trị;

30.7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty;

30.8. Số thành viên tham dự tối thiểu:

30.8.1. Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền);

30.8.2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Điểm 30.8.1 nêu trên không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

30.9. Biểu quyết:

30.9.1. Trừ trường hợp quy định tại Điểm 30.9.2, Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có (01) một phiếu biểu quyết;

30.9.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

30.9.3. Theo quy định tại Điểm 30.9.4, Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

30.9.4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm 38.4.1 và 38.4.2, Khoản 38.4, Điều 38 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong Hợp đồng đó;

30.9.5. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan;

30.9.6. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định;

30.9.7. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể;

30.9.8. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

30.9.9. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

30.10. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ;

30.11. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp;

30.12. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (i) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (ii) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị;

30.13. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

ĐIỀU 31. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty sẽ tổ chức một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc và một số Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và một số Cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

ĐIỀU 32. CÁN BỘ QUẢN LÝ

32.1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông

lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định tại từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra;

32.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

ĐIỀU 33. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.

33.1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty;

33.2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản;

33.1. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

33.1.1. Tổ chức, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

33.1.2. Điều hành các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty và các hoạt động khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

33.1.3. Quyết định và thực hiện các công việc khác theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các văn bản nội bộ Công ty đã ban hành đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật;

33.1.4. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng và bổ nhiệm để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

33.1.5. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

33.1.6. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

33.1.7. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

33.1.8. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

33.1.9. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài

chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

33.2. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

33.3. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng giám đốc đồng thời là thành viên của Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

ĐIỀU 34. THƯ KÝ CÔNG TY

34.1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

34.1.1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng ban kiểm soát;

34.1.2. Tham dự và lập biên bản các cuộc họp nêu tại Điểm 34.1.1, Khoản này;

34.1.3. Tư vấn cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về thủ tục của các cuộc họp;

34.1.4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

34.1.5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

34.1.6. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

34.1.7. Hỗ trợ Công ty trong việc xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

34.1.8. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

34.2. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 35. KIỂM SOÁT VIÊN BAN KIỂM SOÁT

35.1. Kiểm soát viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty, không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty. Các Kiểm soát viên của Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

35.1.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

35.1.2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Kiểm soát viên của Ban kiểm soát;

35.1.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

35.2. Việc đề cử các ứng viên Ban kiểm soát: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng cử viên; từ 15% (mười lăm phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) trở lên được đề cử đủ số ứng viên;

35.3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử;

35.4. Kiểm soát viên Ban kiểm soát mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

35.4.1. Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên Ban kiểm soát;

35.4.2. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

35.4.3. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

35.4.4. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

35.4.5. Kiểm soát viên đó bị miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 36. BAN KIỂM SOÁT

36.1. Ban kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên. Ban kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm nhưng không giới hạn bởi những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

36.1.1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

36.1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trình trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty;

36.1.3. Thẩm định đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

36.1.4. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập; Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

36.1.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

36.1.6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại

hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp;

36.1.7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

36.1.8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

36.1.9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

36.1.10. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

36.1.11. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

36.1.12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

36.2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị;

36.3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người;

36.4. Tổng mức thù lao và chi phí cho thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.

ĐIỀU 37. TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

ĐIỀU 38. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI.

38.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty để phục vụ cho mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

38.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác;

38.3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay/ bảo lãnh để thực hiện nhiệm vụ thi công công trình theo hình thức giao nhận khoán của Công ty đã tuân thủ đúng các quy chế nội bộ Công ty do Hội đồng quản trị Công ty ban hành và quy định tại điểm 38.4.1 dưới đây hoặc trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con hoặc các khoản vay/ bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

38.4. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng: (i) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người liên quan của họ; (iii) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

38.4.1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

38.4.2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại Điểm 38.4.1. nêu trên. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

38.4.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch;

38.5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

ĐIỀU 39. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

39.1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra;

39.2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí tranh tụng (kể cả phí thuê luật sư), án phí, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là chi phí hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người được bồi thường theo quy định của Khoản này để tránh phải trang trải những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

ĐIỀU 40. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

40.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 13.2, Điều 13 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này;

40.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật;

40.3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này;

40.4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

ĐIỀU 41. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 42. CỔ TỨC

- 42.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- 42.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty;
- 42.3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu;
- 42.4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này;
- 42.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- 42.6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức;
- 42.7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

ĐIỀU 43. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

- 43.1. Công ty sẽ quyết định phân chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay sau khi chia lợi nhuận, Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả;
- 43.2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận sẽ do Hội đồng quản trị lập và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt sau khi kết thúc năm tài chính của Công ty;
- 43.3. Lợi nhuận ròng của Công ty cuối mỗi niên khoá tài chính được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 44. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

- 44.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam;
- 44.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật;

44.3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 45. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

ĐIỀU 46. HỆ THỐNG KẾ TOÁN

46.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận;

46.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty;

46.3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

ĐIỀU 47. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

47.1 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này, báo tài chính phải được nộp cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật;

47.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty Mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính;

47.3 Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan quản lý nhà nước khác có thẩm quyền;

47.4 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

ĐIỀU 48. KIỂM TOÁN

48.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính;

48.2 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính;

48.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên

của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

48.4 Báo cáo kiểm toán (bản sao) sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty;

48.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

ĐIỀU 49. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG V: QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

ĐIỀU 50. QUAN HỆ CỦA CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Công ty có thể thành lập Công ty con do Công ty đầu tư và nắm giữ 100% vốn điều lệ dưới hình thức Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Công ty là chủ sở hữu đối với Công ty TNHH một thành viên, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty TNHH một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 51. QUAN HỆ CỦA CÔNG TY GIỮ QUYỀN CHI PHỐI ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN CHI PHỐI CỦA CÔNG TY

Công ty giữ quyền chi phối doanh nghiệp khác thực hiện việc quản lý cổ phần, vốn góp chi phối như sau:

51.1 Thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối thông qua người đại diện của mình tại doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật của quốc gia mà Công ty đưa vốn đến đầu tư và theo Quy định của điều lệ doanh nghiệp bị chi phối;

51.2 Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp chi phối của Công ty tại doanh nghiệp chi phối;

51.3 Yêu cầu người đại diện phần vốn góp chi phối báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung của doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Công ty; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty giữ quyền chi phối;

51.4 Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện phần vốn góp chi phối xin ý kiến Hội đồng quản trị Công ty trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của Doanh nghiệp bị chi phối về chiến lược phát triển; kế hoạch kinh doanh dài hạn và hàng năm; nhân sự chủ chốt; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản, huy động vốn có giá trị lớn. Trường hợp nhiều người cùng đại diện của Công ty tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty nhận vốn góp thì người có trách nhiệm chính do Công ty chỉ định phải chủ trì tổ chức cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý kiến và xin ý kiến về những vấn đề quan trọng của Công ty có vốn góp của Công ty trước khi biểu quyết;

51.5 Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở doanh nghiệp bị chi phối;

51.6 Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào doanh nghiệp bị chi phối.

ĐIỀU 52 QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN LIÊN KẾT

52.1 Quan hệ giữa Công ty và Công ty thành viên liên kết được thực hiện theo quy định của Pháp luật;

52.2 Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của bên góp vốn thông qua đại diện của mình tại doanh nghiệp mà mình có vốn góp, phù hợp với Pháp luật và điều lệ của Công ty thành viên liên kết đó.

CHƯƠNG VI: CON DẤU

ĐIỀU 53. CON DẤU

53.1 Hội đồng quản trị sẽ quyết định sử dụng con dấu chính thức của Công ty tùy từng thời điểm và có thể xác định phù hợp với quy định của luật pháp, nội dung của con dấu;

53.2 Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII: TÓ TỤNG, TRANH CHẤP, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 54. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

54.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa: (i) Cổ đông với Công ty; hoặc (ii) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp, các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp;

54.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền;

54.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 55. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

55.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

55.1.1 Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

55.1.2 Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

55.1.3 Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

55.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 56. TRANH CHẤP KHÔNG ĐƯỢC GIẢI QUYẾT THÀNH CÔNG GIỮA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG

Các cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết có quyền đề đơn tới toà để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các căn cứ sau:

56.1 Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;

56.2 Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;

56.3 Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

ĐIỀU 57. THANH LÝ

57.1 Muộn nhất 06 (sáu) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Trong đó, 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty;

57.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính;

57.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

57.3.1. Các chi phí thanh lý;

57.3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

57.3.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

57.3.4 Các khoản vay (nếu có);

57.3.5 Các khoản nợ khác của Công ty;

57.3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm 57.3.1 đến Điểm 57.3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 58. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

58.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;

58.2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

ĐIỀU 59. NGÀY HIỆU LỰC

59.1. Bản điều lệ này gồm 8 (tám) Chương 59 (năm mươi chín) Điều, được sửa đổi bổ sung được sửa đổi bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings ngày 11/04/2018;

59.2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau;

59.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;

59.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



CAO TÙNG LÂM